

Vietnam Daily Review

Biến động trong biên độ hẹp

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/1/2021		•	
Tuần 25/1-29/1/2021		•	
Tháng 1/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex chủ yếu dao động giằng co quanh mốc tham chiếu trong phiên giao dịch đầu tuần. Trên thị trường, dòng tiền đầu tư không biến động nhiều với 10/19 nhóm ngành tăng điểm. Tuy nhiên, khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Bên cạnh đó, độ rộng thị trường tiếp tục ở trong trạng thái cân bằng với thanh khoản giảm nhẹ so với phiên hôm trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể xuất hiện nhịp điều chỉnh để quay lại kiểm tra ngưỡng 1150 trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 25/1/2021, cả chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:
Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_EVFTA_3.9%

Phân tích kỹ thuật: VSH_Tăng giá (Trang 4)

Điểm nhấn

- VN-Index **-0.73** điểm, đóng cửa **1166.05**. HNX-Index **-8.28** điểm, đóng cửa **231.84**.
- Kéo chỉ số tăng: **MSN (+1.22); MWG (+0.63); VRE (+0.56); KBC (+0.4); GVR (+0.38)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.96); CTG (-0.79); BID (-0.7); VCB (-0.5); TCB (-0.47)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **14,665** tỷ đồng, **-0.18%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 15,785 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 9.38 điểm. Thị trường có **236** mã tăng, 50 mã tham chiếu và **219** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-244.55** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-120.7 tỷ), VNM (-114.6 tỷ) và VGC (-95.8 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-16.03** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX	1166.05
Giá trị: 14665.57 tỷ	-0.73 (-0.06%)
Khối ngoại (ròng): -244.55 tỷ	

HNX-INDEX	231.84
Giá trị: 771.04 tỷ	-8.28 (-3.45%)
Khối ngoại (ròng): -16.03 tỷ	

UPCOM-INDEX	77.42
Giá trị: 813.2 tỷ	-0.18 (-0.23%)
Khối ngoại(ròng): 9.11 tỷ	

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	52.6	0.67%
Giá vàng	1,852	-0.22%
Tỷ giá USD/VND	23,071	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	28,164	0.05%
Tỷ giá JPY/VND	22,242	0.02%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	33.22%
LS TPCP 5 năm	1.1%	1.36%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUESSVFL	209.8	HPG	120.7
FUEVFVNI	35.3	VNM	114.6
KBC	33.9	VGC	95.8
E1VFN30	32.6	GAS	61.8
DXG	29.3	FCN	43.4
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Thị trường hàng hóa	Trang 3
Tin hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_EVFTA_3.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	19/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
EVFTA	3.9%	3.9%	36.4%	36.4%	36.4%	36.4%	29.0%
Chiến tranh thương mại	3.2%	3.2%	23.2%	23.2%	23.2%	23.2%	31.6%
Bất động sản & Khu công nghiệp	2.8%	2.8%	27.0%	27.0%	27.0%	27.0%	28.6%
Bất động sản Khu công nghiệp	2.4%	2.4%	23.2%	23.2%	23.2%	23.2%	28.6%
Xây dựng	1.8%	1.8%	4.8%	4.8%	4.8%	4.8%	30.6%
Hàng tiêu dùng	1.6%	1.6%	2.8%	2.8%	2.8%	2.8%	26.5%
Vật liệu Xây dựng	1.1%	1.1%	5.5%	5.5%	5.5%	5.5%	27.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.0%	1.0%	11.7%	11.7%	11.7%	11.7%	30.4%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.0%	1.0%	6.5%	6.5%	6.5%	6.5%	28.2%
Lãi suất giảm	0.9%	0.9%	8.3%	8.3%	8.3%	8.3%	34.3%
VN Diamond	0.7%	0.7%	10.7%	10.7%	10.7%	10.7%	31.6%
Corona Avengers	0.5%	0.5%	19.8%	19.8%	19.8%	19.8%	28.3%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.4%	0.4%	9.5%	9.5%	9.5%	9.5%	32.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.4%	0.4%	6.5%	6.5%	6.5%	6.5%	27.5%
Stay-at-home	0.4%	0.4%	-1.3%	-1.3%	-1.3%	-1.3%	30.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.3%	0.3%	8.8%	8.8%	8.8%	8.8%	29.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.3%	0.3%	10.4%	10.4%	10.4%	10.4%	27.9%
FTSE Việt Nam	0.1%	0.1%	5.0%	5.0%	5.0%	5.0%	28.4%
Nước & Năng lượng	0.0%	0.0%	2.6%	2.6%	2.6%	2.6%	26.4%
Đầu tư công	-0.1%	-0.1%	1.0%	1.0%	1.0%	1.0%	31.1%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.4%	-0.4%	-1.0%	-1.0%	-1.0%	-1.0%	19.6%
Ngân Hàng	-1.3%	-1.3%	5.3%	5.3%	5.3%	5.3%	36.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.5%	-1.5%	2.4%	2.4%	2.4%	2.4%	40.8%
VN FinSelect	-1.6%	-1.6%	8.2%	8.2%	8.2%	8.2%	38.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.6%	-1.6%	9.2%	9.2%	9.2%	9.2%	40.6%
Dầu khí	-2.4%	-2.4%	11.6%	11.6%	11.6%	11.6%	48.1%

Mục tiêu	9/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L11	1.7%	1.7%	8.6%	8.6%	8.6%	8.6%	27.7%
S32	1.5%	1.5%	7.7%	7.7%	7.7%	7.7%	29.3%
L22	0.7%	0.7%	7.8%	7.8%	7.8%	7.8%	25.7%
S21	0.7%	0.7%	9.5%	9.5%	9.5%	9.5%	28.8%
M12	0.5%	0.5%	8.1%	8.1%	8.1%	8.1%	28.4%
L32	0.4%	0.4%	5.2%	5.2%	5.2%	5.2%	31.7%
S11	0.2%	0.2%	5.0%	5.0%	5.0%	5.0%	28.8%
M22	0.2%	0.2%	5.9%	5.9%	5.9%	5.9%	29.9%
M31	0.0%	0.0%	5.8%	5.8%	5.8%	5.8%	28.9%

Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	2.5%	2.5%	29.2%	29.2%	29.2%	29.2%	26.8%
HIGH3	1.0%	1.0%	9.3%	9.3%	9.3%	9.3%	31.7%
MID1	0.1%	0.1%	6.7%	6.7%	6.7%	6.7%	26.3%

INDEX							
VNINDEX	-0.1%	-0.1%	5.6%	5.6%	5.6%	5.6%	26.2%
VN30INDEX	-0.2%	-0.2%	7.8%	7.8%	7.8%	7.8%	29.9%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	19	7	19	7	16	10
Mục tiêu	9	9	0	9	0	7	2
Rủi ro	3	3	0	3	0	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

https://invest.bsc.com.vn/#/login

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 25/1

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	52.62	0.67%	0.40%	9.40%	2.97%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	55.74	0.60%	1.80%	11.10%	2.61%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	155.99	0.72%	2.10%	15.10%	9.08%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1852.78	-0.15%	0.60%	-1.10%	19.07%		PNJ
Bạc	USD/ounce	25.50	0.04%	0.60%	-0.20%	44.81%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1312.75	0.08%	-7.30%	5.20%	40.03%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	632.25	-0.35%	-6.40%	3.40%	6.66%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.54	1.21%	-5.90%	4.50%	1.62%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	221.77	-3.27%	-5.80%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	15.87	-1.12%	-4.80%	9.90%	7.01%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	124.05	-1.90%	-2.60%	-1.00%	-0.28%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	7997.50	-0.30%	0.60%	0.20%	34.96%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	663.77	-0.68%	-1.40%	0.80%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	674.43	-0.58%	-2.50%	-4.80%			
Nhôm	USD/ton	1994.50	-0.15%	0.20%	-3.00%	11.99%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	160.73	-1.20%	-1.60%	2.40%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	84.45	1.26%	-3.50%	2.00%	20.13%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 3/2021 giảm 8 US cent xuống 55.38 USD/thùng và dầu thô WTI kỳ hạn tháng 3/2021 giảm 1 US cent xuống 52.26 USD/thùng. HĐTL dầu thô giảm chủ yếu bởi thông tin phong tỏa phòng chống dịch bệnh tại Pháp, Trung Quốc. Cùng với đó, dự trữ dầu thô Hoa Kỳ tăng 4.4 triệu thùng trong tuần kết thúc hôm 15/1.

Giá vàng

• Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.1% lên 1,854.95 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 2/2021 trên sàn New York giảm 0.1% xuống 1,854.30 USD/ounce. Vàng giằng co quanh tham chiếu trước những thông tin trái chiều triển vọng gói hỗ trợ 1,900 tỷ USD. Cuộc họp FOMC đầu tiên của năm 2021 sẽ diễn ra ngày 26-27/1.

	25/1	% 25/1	22/1	% 22/1	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1166.05	-0.06%	1166.78	0.22%	-2.17%	8.08%
S&P 500			3841.47	-0.30%	1.21%	3.56%
HĐTL S&P500	3848.75	0.38%	3834.25	-0.31%	2.30%	4.42%
Shang- hai	3624.24	0.48%	3606.75	-0.40%	0.78%	7.15%
Euro Stoxx	3609.60	0.20%	3602.41	-0.44%	0.19%	3.21%

Phân tích kỹ thuật

VSH_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: VSH đang ở trong trạng thái tăng giá sau khi có nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ 18. Thanh khoản tăng cao trong phiên hôm nay đã đẩy giá cổ phiếu đóng cửa ở mức trần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Thêm vào đó chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua cùng với đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu nên cổ phiếu sẽ tiếp tục củng cố đà tăng. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của VSH nằm tại khu vực xung quanh 18.8. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 20.7, cắt lỗ nếu ngưỡng 18.4 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

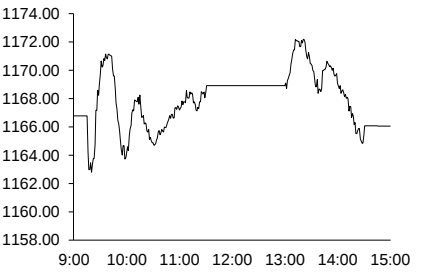
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	-1.85%
Ngân hàng	-1.34%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.29%
Y tế	-1.27%
Dịch vụ tài chính	-1.18%
Dầu khí	-0.95%
Bảo hiểm	-0.68%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.27%
Du lịch và Giải trí	-0.17%
Tài nguyên Cơ bản	0.18%
Thực phẩm và đồ uống	0.40%
Bất động sản	0.48%
Công nghệ Thông tin	0.67%
Hóa chất	0.74%
Xây dựng và Vật liệu	1.00%
Ô tô và phụ tùng	1.86%
Bán lẻ	2.93%
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.49%
Truyền thông	5.41%

Hình 1

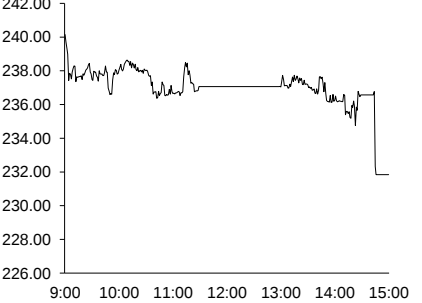
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

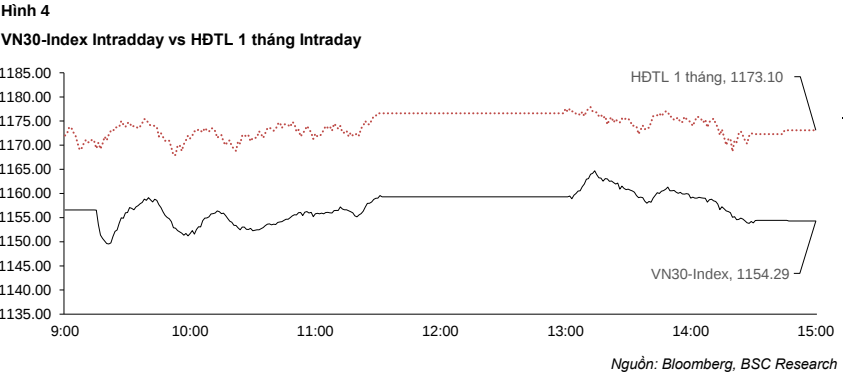
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
1/22/2021	CSM	19.6	21.6	17.5	20.95	3	6.89%	Có thể giữ nguyên vị thế
1/21/2021	HLD	27.5	30.3	25.4	27.3	4	-0.73%	Có thể tiếp tục mua
1/20/2021	PVT	17.3	22.5	15.4	18.7	5	8.09%	Có thể tiếp tục mua
1/19/2021	VRC	11	13.4	8.9	12.3	6	11.82%	Có thể tiếp tục mua
1/18/2021	PNJ	83.9	96.5	75.8	87	7	3.69%	Có thể tiếp tục mua
1/8/2021	PTB	61.4	69.5	58	68.3	17	11.24%	Cần nhắc không mua thêm (**)
1/4/2021	PWA	12.9	16.5	12	13.8	21	6.98%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/22/2020	CTI	15.05	18	13.5	16	34	6.31%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/18/2020	MBB	23.1	29	21.5	25.2	38	9.09%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/7/2020	HT1	16.95	20	15	17.9	49	5.60%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/29/2020	VNM	108.2	119.39	97.6	108.2	118	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
1/15/2021	VCI	62.3	76.5	58	SL	5	-6.90%
1/14/2021	TCB	35.75	41.5	33.5	SL	6	-6.29%
1/13/2021	HVN	31.1	36	28	SL	7	-9.97%
1/12/2021	SAB	205.5	230	195.5	SL	7	-4.87%
1/11/2021	DRC	24.8	29	22.3	SL	9	-10.08%
1/7/2021	HAG	5.64	6.3	5	TP	4	11.70%
1/6/2021	MPC	30.6	36	28.4	SL	13	-7.19%
1/5/2021	LSS	8.61	10.2	7.5	TP	7	18.47%
12/31/2020	ANV	24.9	29	22	SL	20	-11.65%
12/30/2020	NHH	54	60	51.5	TP	7	11.11%
12/29/2020	HII	16.1	18	15	TP	2	11.80%
12/28/2020	DRH	9.52	11.2	8	TP	7	17.65%
12/25/2020	OGC	7.58	8.4	6.9	TP	4	10.82%
12/24/2020	TCH	19.46	21.46	18.54	TP	15	10.28%
12/23/2020	DPG	31.6	36	29	SL	28	-8.23%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	10	1	6.97%	-0.73%	6.27%	27
Cổ phiếu đã chốt	105	45	13.11%	-7.54%	6.91%	29

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2101	1173.10	-0.03%	18.81	-28.4%	133,912	2/18/2021	26
VN30F2102	1176.00	-0.10%	21.71	-32.2%	498	3/18/2021	54
VN30F2103	1177.10	-0.25%	22.81	6.6%	209	6/17/2021	145
VN30F2106	1174.50	-0.46%	20.21	-76.2%	15	9/16/2021	236

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -2.29 điểm xuống 1154.29 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, STB, MBB, CTG tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch vận động giằng co quanh 1150-1160 điểm. VN30 có thể vận động tăng lên quanh 1170 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CKDH2003	2/18/2021	24	4:1	696,900	27.47%	1,100	2,750	24.43%	2,617	1.05	29,511	25,111	35,500
CMSN2013	3/1/2021	35	5:1	381,100	33.46%	2,250	5,000	19.05%	2,211	2.26	97,087	85,970	97,000
CMWG2015	5/10/2021	105	10:1	655,900	29.25%	1,900	3,800	5.56%	3,358	1.13	119,000	100,000	132,000
CVRE2014	5/4/2021	99	1:1	255,300	32.36%	4,600	10,980	4.57%	10,702	1.03	32,100	27,500	37,800
CVRE2007	4/5/2021	70	5:1	812,800	32.36%	1,520	1,970	3.14%	1,045	1.88	40,933	33,333	37,800
CFPT2012	5/4/2021	99	5:1	1,225,100	23.75%	1,500	3,500	1.45%	3,336	1.05	58,500	51,000	67,000
CFPT2011	4/1/2021	66	5:1	441,800	23.75%	1,700	4,050	0.75%	3,882	1.04	56,500	48,000	67,000
CHPG2018	5/14/2021	109	4:1	678,200	32.78%	1,200	4,640	0.22%	3,539	1.31	34,799	29,999	43,700
CHPG2022	5/4/2021	99	2:1	348,000	32.78%	2,100	9,700	0.00%	8,524	1.14	31,200	27,000	43,700
CHPG2020	6/30/2021	156	1:1	73,100	32.78%	5,700	20,000	0.00%	18,236	1.10	31,700	26,000	43,700
CHPG2015	3/1/2021	35	1:1	355,700	32.78%	6,700	27,440	-0.72%	17,320	1.58	27,161	21,680	43,700
CMBB2010	6/14/2021	140	1:1	269,600	29.25%	4,600	10,070	-0.79%	9,494	1.06	20,600	16,000	25,200
CVHM2007	2/8/2021	14	5:1	401,000	28.68%	2,900	4,940	-0.80%	4,927	1.00	89,500	75,000	99,500
CTCB2010	4/1/2021	66	2:1	247,900	33.64%	2,000	7,650	-2.42%	7,242	1.06	25,500	21,500	35,800
CSTB2014	6/14/2021	140	1:1	231,800	37.89%	3,800	8,000	-3.15%	7,589	1.05	15,800	12,000	19,350
CTCB2013	5/4/2021	99	1:1	224,000	33.64%	4,700	13,500	-3.23%	13,102	1.03	27,700	23,000	35,800
CSTB2012	4/1/2021	66	1:1	436,900	37.89%	2,500	6,900	-3.23%	6,466	1.07	15,500	13,000	19,350
CVNM2011	6/11/2021	137	20:1	803,300	23.96%	1,100	2,010	-4.29%	40	50.78	127,429	109,378	108,200
CSBT2007	4/27/2021	92	2:1	443,600	36.29%	1,700	4,400	-14.40%	3,314	1.33	18,788	15,495	22,400
Tổng				8,982,000	31.30%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 25/1/2021, cả chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng.
- CFPT2013 và CKDH2003 tăng mạnh lần lượt là 28.75% và 24.43%. Trái lại, CSTB2015 và CSBT2007 giảm mạnh lần lượt là -15.00% và -14.40%. Giá trị giao dịch tăng 12.78%. CHPG2015 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.21% thị trường.
- CVRE2015, CVJC2005, CTCB2011, CVHM2007, và CVPB2012 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMSN2012, CHPG2025, và CMSN2011 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMSN2010, CMWG2013, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	132.0	3.8%	1.2	2,679	12.1	8,517	15.5	3.9	49.0%	29.0%
PNJ	Bán lẻ	87.0	3.6%	1.2	860	4.7	4,727	18.4	3.8	49.0%	21.8%
BVH	Bảo hiểm	64.0	-1.1%	1.5	2,066	1.9	1,731	37.0	2.4	28.2%	7.1%
PVI	Bảo hiểm	35.0	-0.3%	0.4	340	0.2	4,020	8.7	1.2	54.3%	9.1%
VIC	Bất động sản	104.8	-0.2%	0.8	15,412	3.8	2,660	39.4	4.1	14.0%	11.0%
VRE	Bất động sản	37.8	2.4%	1.1	3,735	10.8	1,001	37.8	3.0	31.5%	8.1%
VHM	Bất động sản	99.5	0.2%	1.2	14,231	9.3	6,895	14.4	4.4	22.2%	35.4%
DXG	Bất động sản	21.4	7.0%	1.3	482	6.2	(833)		1.7	34.8%	-1.3%
SSI	Chứng khoán	33.7	-0.1%	1.4	878	17.7	1,834	18.4	2.1	45.0%	11.5%
VCI	Chứng khoán	60.3	-1.1%	1.0	434	2.8	4,662	12.9	2.2	26.5%	17.9%
HCM	Chứng khoán	31.4	1.9%	1.6	416	9.1	1,738	18.1	2.2	48.2%	12.1%
FPT	Công nghệ	67.0	0.1%	0.8	2,284	9.1	4,236	15.8	3.5	49.0%	23.1%
FOX	Công nghệ	60.5	-0.8%	0.4	720	0.0	4,812	12.6	3.2	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	84.7	-2.2%	1.4	7,048	4.5	4,752	17.8	3.5	3.0%	19.7%
PLX	Dầu khí	53.9	-0.7%	1.5	2,856	2.1	681	79.1	3.2	15.7%	4.3%
PVS	Dầu khí	19.7	-1.0%	1.6	409	6.9	1,621	12.2	0.8	10.1%	6.3%
BSR	Dầu khí	11.5	-3.4%	0.8	1,550	3.7	898	12.8	1.0	41.1%	8.5%
DHG	Dược	103.4	-1.1%	0.4	588	0.0	5,443	19.0	3.8	54.7%	20.5%
DPM	Hóa chất	18.5	0.0%	0.5	315	1.2	2,011	9.2	0.9	12.7%	10.4%
DCM	Hóa chất	14.4	0.7%	0.5	331	2.6	858	16.8	1.2	3.0%	7.4%
VCB	Ngân hàng	102.5	-0.5%	1.1	16,529	3.2	4,974	20.6	3.8	23.7%	20.5%
BID	Ngân hàng	44.6	-1.4%	1.3	7,799	2.7	2,126	21.0	2.3	17.4%	12.5%
CTG	Ngân hàng	36.8	-2.1%	1.2	5,957	10.6	2,948	12.5	1.7	28.7%	14.0%
VPB	Ngân hàng	35.9	-1.6%	1.2	3,832	5.5	4,271	8.4	1.7	23.4%	21.9%
MBB	Ngân hàng	25.2	-1.6%	1.2	3,066	12.1	2,965	8.5	1.5	23.0%	19.2%
ACB	Ngân hàng	28.1	-1.9%	0.9	2,641	9.4	3,109	9.0	1.8	30.0%	23.0%
BMP	Nhựa	63.4	1.6%	0.8	226	0.5	6,186	10.2	2.2	81.5%	20.7%
NTP	Nhựa	36.5	-0.5%	0.4	187	0.1	3,797	9.6	1.7	19.0%	17.3%
MSR	Tài nguyên	23.9	0.8%	0.5	1,142	1.2	356	67.1	1.9	10.2%	2.9%
HPG	Thép	43.7	0.1%	1.2	6,295	63.6	3,241	13.5	2.6	31.7%	21.3%
HSG	Thép	26.9	1.3%	1.5	519	9.7	2,507	10.7	1.8	11.3%	19.2%
VNM	Tiêu dùng	108.2	-0.5%	0.7	9,830	12.1	4,784	22.6	7.7	57.8%	35.3%
SAB	Tiêu dùng	194.0	0.0%	0.8	5,409	1.2	6,312	30.7	6.3	63.1%	22.6%
MSN	Tiêu dùng	97.0	4.0%	0.9	4,954	16.2	2,067	46.9	5.5	32.0%	8.9%
SBT	Tiêu dùng	22.4	-6.1%	1.0	601	4.8	702	31.9	1.9	7.8%	5.5%
ACV	Vận tải	77.3	-1.0%	0.8	7,316	0.5	3,450	22.4	4.6	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	133.6	-0.1%	1.1	3,043	4.8	(1,528)		5.0	18.9%	-5.6%
HVN	Vận tải	29.1	-0.3%	1.7	1,794	0.8	(7,345)		6.1	9.2%	-83.7%
GMD	Vận tải	32.5	1.2%	1.0	426	5.7	1,179	27.6	1.7	38.4%	5.8%
PVT	Vận tải	18.7	-4.6%	1.2	263	6.6	1,709	10.9	1.3	13.3%	12.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	88.1	0.7%	1.0	594	0.7	8,260	10.7	3.7	3.4%	39.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	32.9	7.0%	0.6	641	1.4	1,411	23.3	2.3	7.7%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.9	0.8%	0.9	297	0.6	1,613	11.1	1.3	6.0%	11.5%
CTD	Xây dựng	80.5	0.8%	1.1	267	4.2	7,505	10.7	0.7	46.0%	6.9%
CII	Xây dựng	22.8	-1.7%	0.4	237	1.9	114	199.8	1.1	29.6%	0.5%
REE	Điện	54.3	0.4%	-1.4	730	1.6	4,599	11.8	1.6	49.0%	13.7%
PC1	Điện	23.0	0.2%	-0.4	191	0.2	2,241	10.3	1.1	13.5%	11.8%
POW	Điện	14.2	-1.4%	0.6	1,441	4.5	679	20.8	1.2	8.4%	5.8%
NT2	Điện	24.1	1.0%	0.5	302	0.7	2,095	11.5	1.6	18.1%	14.3%
KBC	Khu công nghiệp	45.5	6.9%	0.9	929	16.1	879	51.8	2.3	18.8%	4.4%
BCM	Khu công nghiệp	58.0	2%	1.0	2,610	1.0			4.0	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	97.00	3.97	1.17	3.87MLN
MWG	132.00	3.77	0.59	2.13MLN
VRE	37.80	2.44	0.56	6.56MLN
KBC	45.50	6.93	0.38	8.17MLN
GVR	32.45	1.09	0.38	4.90MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-0.98	1.23MLN	1.11MLN
CTG	0.00	-0.80	6.58MLN	607060
BID	0.00	-0.70	1.37MLN	373600
VCB	0.00	-0.50	725900	192700
TCB	0.00	-0.47	15.64MLN	611640

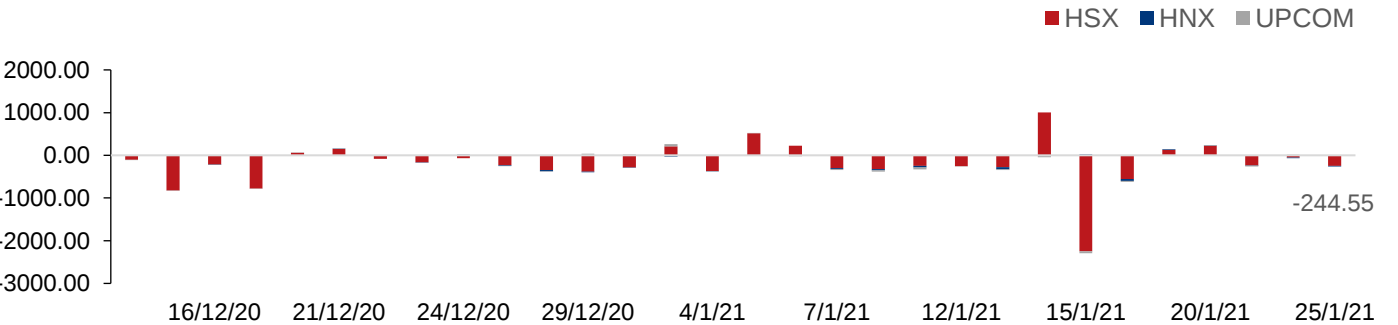
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DXG	21.40	7.00	0.20	6.78MLN
FLC	6.27	7.00	0.08	33.38MLN
VGC	32.90	6.99	0.26	996200
TCR	5.51	6.99	0.00	57200
IJC	26.80	6.99	0.06	3.04MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TTF	5.98	-7.00	-0.04	6.18MLN
GMC	30.60	-6.99	-0.02	35500
DCL	28.15	-6.94	-0.03	769000.00
FIT	18.85	-6.91	-0.10	271100
PTL	6.01	-6.82	-0.01	8900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	14.7	1,412	10.4	0.9	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	28.1	3,109	9.0	1.8	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	77.3	3,450	22.4	4.6	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	31.0	4,752	6.5	1.4	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	17/9/20	25.6	30.0	36.8	2,948	12.5	1.7	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	57.0	13,724	4.2	1.4	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	54.7	5,729	9.5	2.1	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	76.9	5,923	13.0	2.9	Click
9	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	103.4	5,443	19.0	3.8	Click
10	DPM	Hóa chất	Theo dõi	21/9/20	16.9	18.4	18.5	2,011	9.2	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	28.0	2,160	12.9	2.0	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	12/11/20	12.7	17.3	21.4	-833		1.7	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	28/9/20	50.3	63.6	67.0	4,236	15.8	3.5	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	32.5	1,179	27.6	1.7	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	44.9	6,418	7.0	2.3	Click
16	HPG	VLXD	Mua	9/11/20	30.3	41.0	43.7	3,241	13.5	2.6	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	26.9	2,507	10.7	1.8	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	45.5	879	51.8	2.3	Click
19	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	35.5	2,067	17.2	2.6	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	35.5	2,067	17.2	2.6	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	14.3			1.1	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	29.7	2,528	11.7	1.2	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	97.0	2,067	46.9	5.5	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	132.0	8,517	15.5	3.9	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/20	25.0	34.6	35.2	2,975	11.8	1.7	Click
26	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	258.0	9,855	26.2	10.7	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	65.4	7,700	8.5	2.8	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	28.4	1,928	14.7	1.7	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	30/10/20	69.5	80.0	87.0	4,727	18.4	3.8	Click
30	PVD	Dầu khí	Theo dõi	1/9/20	11.4	13.5	20.8	0	35.7	0.6	Click
31	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	18.7	1,709	10.9	1.3	Click
32	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	39.0	4,313	9.0	1.8	Click
33	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	194.0	6,312	30.7	6.3	Click
34	SBT	Đường	Theo dõi	14/10/20	16.4	18.6	22.4	702	31.9	1.9	Click
35	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	39.3	1,861	21.1	3.1	Click
36	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	35.8	3,258	11.0	1.8	Click
37	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	11/9/20	82.5	90.0	102.5	4,974	20.6	3.8	Click
38	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	47.1	5,479	8.6	2.3	Click
39	VGI	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	21.4	885	24.2	1.7	Click
40	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	42.5	3,873	11.0	1.5	Click
41	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	108.2	4,784	22.6	7.7	Click
42	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	35.9	4,271	8.4	1.7	Click
43	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	37.8	1,001	37.8	3.0	Click
44	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	106.7	4,105	26.0	9.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		X	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	X		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	X		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		X	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		X	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	X		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		X	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	X		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	X		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	X		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	X		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	X		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	X		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	X		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	X		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	X		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	X		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	X		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	X		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	X		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	X		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	X		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	X		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	X		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	X		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	X		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	X		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	X		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	X		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SBT 2020Q4	29/10/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 18600 ; Giá tại Publish 14500 Dự báo KQKD: Chúng tôi dự báo KQKD SBT ND 2020/21 sẽ đạt DTT và LNST lần lượt là 14,682 tỷ đồng (+13.6% YoY) và LNST là 448 tỷ đồng (+24% YoY), tương đương EPS fw là 738 đồng/cp – PE fw là 19x và PB fw là 1x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 79390 ; Giá tại Publish 66000
Express PNJ 2020Q4	22/10/20	Dự báo KQKD: 2020: DTT và LNST đạt lần lượt là 15,995 tỷ đồng (-6.7% YoY) và 917 tỷ đồng (-23% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 4,030 đ/cp, PE fw = 16.5x và PB fw = 3x. 2021: DTT và LNST ước tính lần lượt 17,934 tỷ đồng (+12.1% YoY) và 1,024 tỷ đồng (+11.6% YoY) tương đương EPS 2021 fw = 4,478 đ/cp, PE Fw = 14.7x và PB fw = 2.7x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 15000 ; Giá tại Publish 11150
Express DXG 2020Q4	8/10/20	Cập nhật KQKD: BSC điều chỉnh dự báo kết quả kinh doanh năm 2020 của DXG với doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 2020 ước tính lần lượt khoảng 3,730 tỷ đồng (-29.6% YoY) và 350 tỷ đồng (-71% YoY) do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 đến mảng dịch vụ và trích lập dự phòng lỗ 526 tỷ từ việc thoái vốn LDG dựa trên giả định bàn giao khoảng 750 sản phẩm Gem Sky World trong Q4/2020. EPS 2020 = 635 đồng/cp. PE 2020FW = 17.2 lần

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639